

THỨC ĐẨY QUYỀN CÓ VIỆC LÀM TRONG ĐIỀU KIỆN CÔNG NGHIỆP 4.0

Nguyễn Thanh Tuấn*

* PGS.TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Công nghiệp 4.0; Bộ luật Lao động năm 2012; trí tuệ nhân tạo; việc làm; sản xuất thông minh.

Lịch sử bài viết

Nhận bài : 03/08/2018

Biên tập : 25/10/2018

Duyệt bài : 01/11/2018

Tóm tắt:

Công nghiệp 4.0 đang tạo ra những cơ hội mới đồng thời cũng đặt ra những thách thức to lớn đối với các quốc gia phát triển và các nước đang chuẩn bị bước vào công nghiệp 4.0 như Việt Nam¹, trước tiên và cơ bản là vấn đề việc làm.

Article Information:

Keywords: Industrial Revolution 4.0; Labor Code of 2012; artificial intelligence; job; smart production.

Article History:

Received : 03 Aug. 2018

Edited : 25 Oct. 2018

Approved : 01 Nov. 2018

Abstract

Industrial Revolution version 4.0 is creating new opportunities while also providing great challenges for the developed countries and those to enter to Revolution 4.0 like Vietnam, the first foreseen challenge is the job issue.

Công nghiệp 4.0 (CN 4.0) là sự kết nối công nghệ cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa với các thành tựu hiện đại của kỹ thuật số, vật lý học, sinh học, tâm lý học,... trên nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật hoặc mạng lưới vạn vật kết nối Internet (Internet of Things - IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và các hệ thống kết nối

Internet (IoS). Thông qua tương tác máy với máy (M2M) kết nối người với vạn vật (IoT), vật với vật (Big Data) để tạo ra những bước nhảy vọt trong nông nghiệp, thủy sản, y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, hóa học, nhất là lĩnh vực vật lý với robot thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái, vật liệu mới và công nghệ nano.

1 Xem: Đối thoại chính sách cao cấp về phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số tại Hội nghị các quan chức cao cấp APEC lần thứ hai (SOM-2), tổ chức tại Hà Nội, ngày 15/5/2017.

Từ góc độ kinh tế, CN 4.0 có sáu đặc điểm cơ bản, gồm: (i) Xu hướng phát triển sản xuất thông minh kết hợp công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin (CNTT) dựa trên nền tảng công nghệ Big Data Analytics, Cloud Computing, IoT; (ii) Công nghệ in 3D - cho phép sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh bỏ qua các giai đoạn lắp ráp để tạo ra sản phẩm; (iii) Máy móc tự động hóa và tích hợp con người - máy móc; (iv) Robot thay thế dần con người trong nhiều hoạt động; (v) IoT làm cho các vận dụng, thiết bị trở nên thông minh hơn, tạo ra nhiều dịch vụ mới; (vi) Công nghệ nano và AI, công nghệ sinh học được áp dụng rộng rãi².

1. Sự tác động của Công nghiệp 4.0 đến việc làm

CN 4.0 đang và sẽ tác động đến mọi hoạt động của con người chủ yếu theo các hướng sau:

1.1 Tác động của “trí tuệ nhân tạo” đến việc làm

Hiện nay, các hệ thống nhân tạo được dùng thường xuyên trong kinh tế, y dược, các ngành kỹ thuật và quân sự cũng như trong các phần mềm máy tính thông dụng trong gia đình và trò chơi điện tử. Điện thoại thông minh (Smartphone) và máy tính (Computer) giúp việc tổ chức lao động và giải quyết mọi vấn đề rất nhanh chóng. Điền hình là thông qua việc nộp hồ sơ online, nhà tuyển dụng sẽ đỡ mất thời gian lọc hồ sơ ứng viên, vì có phần mềm hỗ trợ, đồng thời rút ngắn tối đa thời gian xử lý các thủ tục hành chính. Các chuyên viên tiền lương, bảo hiểm rút ngắn thời gian làm việc và thay vào đó, có thể phát triển những công việc khác cho doanh nghiệp. Trước đây cần một người trợ lý sắp xếp các lịch trình và nhắc nhở công việc thì ngày nay chỉ cần một chiếc smartphone nhỏ gọn đã làm được công việc này. Đồng thời,

sự phát triển mạnh mẽ của “điện toán đám mây” - một lối ẩn dụ đề liên tưởng đến cách được bố trí phức tạp của mạng internet và cơ sở hạ tầng chứa trong sơ đồ mạng máy tính - đã khiến cho AI kiểm soát được nhiều thứ để có thể tiết kiệm lao động. Với khả năng xử lý thông tin vô cùng phức tạp, nó không chỉ phát triển việc làm mới, mà còn dẫn đến sự thất nghiệp hàng loạt ở nhiều vị trí nhân sự khác nhau.

AI được phát triển hoàn thiện có khả năng thay thế con người trong các công việc như: chăm sóc sức khỏe, phục vụ, sản xuất theo dây chuyền tự động, công việc văn phòng,... Theo một con số tính toán, một robot may hiện có giá khoảng 200.000 USD (năm 2017); nhưng khoảng 3 năm nữa sẽ giảm còn 20.000 - 30.000 USD và không có lao động giá rẻ nào có thể cạnh tranh được với robot, bởi chúng hoạt động 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần và 365 ngày/năm không cần nghỉ; máy móc điện tử làm nhanh hơn, chất lượng tốt hơn và quan trọng là giá rẻ hơn³.

1.2 Tác động của Internet kết nối vạn vật đến việc làm

Internet kết nối vạn vật (IoT) hiện đã tác động đến việc làm ít nhất trên ba khía cạnh sau⁴:

i) Tạo mô hình kinh doanh mới: các sản phẩm được kết nối mạng có thể cung cấp cho kỹ thuật viên những thông tin chi tiết về thành phần, bộ phận và vấn đề kinh doanh với hiệu suất cụ thể. Nó cho phép kỹ thuật viên tư vấn chi tiết hơn hoặc đề xuất các bộ phận thay thế hoặc sửa chữa thích hợp. Theo giới chuyên môn, các mô hình kinh doanh khác sử dụng dữ liệu cảm biến thông minh đang chờ đợi để được khám phá, và có thể mang lại lợi thế cạnh tranh đáng kể cho các doanh nghiệp đi đầu xu hướng này.

2 <https://ictnews.vn/cntt/nuoc-manh-cntt/se-xay-co-che-chinh-sach-moi-thuc-day-ung-dung-cntt-phu-hop-xu-the-cmcn-4-0>

3 <http://cafef.vn/vcbu-tich-fpi-software-hoang-nam-tien-khoi-nghiep-thoi-cach-mang-4-0-khong-don-gian-nhu-jack-ma-noi-20171215084035966.chn>

4 Ho Nguyen, Tác động của Internet Vạn vật (IoT) đến ngành sản xuất? Find me on: LinkedIn vào Thu, Jul 19, 2018 inShare

ii) *Sản xuất các sản phẩm thông minh*: ví dụ nổi bật là các nhà sản xuất ô tô lớn, bao gồm Ford, General Motors, Toyota và Volkswagen, đang sản xuất các loại ô tô thông minh có khả năng kết nối với Wifi xuyên suốt khoảng hành khách, kể cả một số mẫu kết hợp máy ảnh và cảm biến để giúp tài xế tránh va chạm và đỗ xe song song tự động. Nhờ IoT, các nhà sản xuất có thể thỏa sức sáng tạo và thiết kế nhằm cách mạng hóa các sản phẩm truyền thống và tạo ra nhiều loại sản phẩm thông minh mới với mức phí vừa phải, phù hợp với nhiều nhu cầu sử dụng hơn.

iii) *Triển khai sản xuất thông minh hơn*: trong môi trường sản xuất, ứng dụng phần mềm di động cho phép các nhà quản lý nhà máy truy cập vào nhiều dữ liệu, như hiệu suất thiết bị, hiệu suất của dây chuyền, công cụ trực quan hóa dữ liệu và các cảnh báo dù họ đang ở đâu. Từ đó cho phép các nhà quản lý sản xuất có thể làm việc bên ngoài phòng điều khiển của nhà máy với tầm nhìn bao quát hơn các hoạt động đang diễn ra; từ đó tiết kiệm được một số nhân viên thông kê, lưu trữ giấy tờ, sổ sách và nhân viên vận phòng khác.

Sản xuất thông minh có thể góp phần làm giảm bớt lỗi sản phẩm, xác định trục trặc và hỏng hóc của thiết bị nhanh hơn. Việc giám sát theo thời gian hoạt động của các thiết bị và dây chuyền sản xuất giúp phát hiện mọi thay đổi dù là nhỏ nhất về mức độ sản xuất, hoạt động của thiết bị và chất lượng sản phẩm. Các cảm biến có thể xác định rò rỉ chất lỏng, sự thay đổi áp suất,... hơn nữa còn giúp tận dụng tài sản tốt hơn và chủ động hơn khi bảo trì các thiết bị quan trọng. Nhờ đó tiết kiệm được một số nhân viên bảo hành thiết bị, kiểm tra kỹ thuật,....

Môi trường sản xuất kết nối mạng sẽ cho phép tương tác máy với máy (M2M). Tương tác M2M sẽ điều chỉnh quy trình làm việc, ví dụ: đơn đặt hàng của khách hàng hay lịch phân phối sản phẩm, qua đó ngăn chặn sự lãng phí các vật liệu và thành phẩm, đồng thời bảo vệ các thiết bị quan trọng không bị hư

hại nghiêm trọng hơn. Nhân lực cho khâu lập kế hoạch, đóng gói sản phẩm, trông coi kho bãi, vận chuyển, phân phối, chăm sóc khách hàng,... nhờ thế được tiết kiệm đáng kể.

IoT cũng có thể giúp thúc đẩy sử dụng cảm biến để kết hợp các thiết bị khác nhau, và tự động đưa dữ liệu vào các ứng dụng để quản lý nhà máy, doanh nghiệp, nhất là năng lượng nhằm điều chỉnh nhiệt độ và hao tổn năng lượng ở những khu vực khác nhau trong nhà máy, doanh nghiệp. Qua đó, giúp các nhà sản xuất giảm chi phí về năng lượng và giảm mức độ ảnh hưởng đến môi trường của họ. Đây cũng là sự tác động đến nhiều vị trí việc làm trong các nhà máy, doanh nghiệp, theo hướng tiết kiệm hơn.

1.3 Tác động của dữ liệu lớn đến việc làm

Dữ liệu lớn (Big Data) là thuật ngữ chỉ tập dữ liệu phức tạp mà các ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không xử lý được để phân tích dự đoán, phân tích hành vi người dùng, hoặc các phương thức phân tích dữ liệu nâng cao khác nhằm trích xuất giá trị từ dữ liệu thông tin. Big Data đang tác động đến việc làm qua ba phương diện sau:

Đối với doanh nghiệp: Big Data có thể sinh ra giá trị tài chính và có thể ảnh hưởng mạnh đến việc làm ở nhiều lĩnh vực kinh doanh và quản lý: sản xuất; dữ liệu xã hội (Facebook, Twitter,...), ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất, bán lẻ, bán buôn, vận tải, chăm sóc sức khỏe, xây dựng, giáo dục, quản lý công, dữ liệu cá nhân toàn cầu;... Nó cũng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại như marketing, chuỗi cung ứng, mô hình kinh doanh mới. Big Data đang chứng minh khá rõ rằng, doanh nghiệp nếu không sử dụng dữ liệu một cách hiệu quả thì sẽ gặp bất lợi khi cạnh tranh với những doanh nghiệp có khả năng phân tích và sử dụng dữ liệu của họ; ví dụ: phân tích nhật ký; phát hiện gian lận (lọc email...); phân tích quan điểm và mạng xã hội; quản lý rủi ro; tiêu thụ năng lượng; dự đoán,... Đối với doanh nghiệp trong thời đại số hiện nay, một khi làm chủ được dữ liệu lớn thì họ sẽ có cơ hội thành công lớn hơn trong

bối cảnh cạnh tranh hiện đại; người quản lý và người lao động sẽ được hưởng lợi hơn từ việc trích xuất thông tin một cách chính xác, hữu ích với chi phí thấp hơn.

Đối với lĩnh vực kỹ thuật: khả năng Big Data tiếp tục phát triển nhanh chóng, được thúc đẩy bởi sự đổi mới trong công nghệ cơ sở hạ tầng, khả năng phân tích xử lý dữ liệu và sự tiến bộ của hành vi con người đang ngày càng sử dụng thiết bị kỹ thuật số nhiều hơn. Việc quản lý dữ liệu, liên quan đến việc truy xuất, tính riêng tư, bảo mật cũng là một xu hướng phát triển của việc làm mới nhằm sử dụng chính xác và giám sát dữ liệu đó cũng như quản lý vòng đời của nó.

Đối với xã hội: luồng dữ liệu được tạo ra mỗi ngày bởi hàng tỷ tương tác của người dùng máy tính, thiết bị GPS, điện thoại di động, thiết bị y tế,... đã phục vụ cộng đồng với nhiều tiện ích khác nhau. Từ đó tạo ra việc làm mới, ví dụ: dự đoán sự thiếu hụt thực phẩm dựa trên dữ liệu về sự biến động giá cả thị trường, hạn hán, di cư; cải thiện kết quả học tập trong trường học; mô hình dự báo phục vụ người dân sống ở các khu định cư và khu ổ chuột; quy hoạch giao thông; kết nối mối quan hệ giữa tội phạm và các địa điểm trong thành phố...⁵. Hiện các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách bắt đầu nhận ra tiềm năng của việc dẫn dòng chảy dữ liệu vào thông tin có thể sử dụng để xác định nhu cầu, cung cấp dịch vụ và tiên đoán cũng như ngăn chặn khủng hoảng cho người có thu nhập thấp.

Những phân tích nêu trên cho thấy, nhìn chung, nhóm việc làm chịu tác động mạnh nhất là lao động giản đơn, ít kỹ năng hoặc những kỹ năng nhưng dễ dàng bị người máy thay thế. Trong thời gian tới, Việt Nam có cơ hội vươn lên nhóm dẫn đầu trên thế giới trong lĩnh vực này, vì chúng ta có thể đi thẳng vào những công nghệ tiên tiến nhất thế giới, làm việc với những tập đoàn lớn nhất thế giới, và

với những công việc mới nhất thế giới⁶. Và như vậy, ảnh hưởng của CN 4.0 đối với việc làm ở nước ta sẽ là rất lớn.

2. Thúc đẩy quyền có việc làm dưới tác động của CN 4.0 ở nước ta

2.1 Nhận thức về việc làm trong điều kiện tác động của CN.4.0

Việc làm phụ thuộc vào các điều kiện hiện có của nền sản xuất xã hội. Người lao động được coi là có việc làm khi chiếm giữ một vị trí nhất định trong nền sản xuất của xã hội. Nhờ có việc làm mà người lao động mới thực hiện được quá trình lao động tạo ra sản phẩm cho xã hội và cho bản thân. Ở Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 2012, “việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm”. Điều 10 Bộ luật Lao động quy định, người lao động có quyền: 1. Được làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm. 2. Trực tiếp liên hệ với người sử dụng lao động hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm để tìm việc làm theo nguyện vọng, khả năng, trình độ nghề nghiệp và sức khoẻ của mình.

Trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế, thúc đẩy CN 4.0, quy định trên bộc lộ hạn chế cơ bản sau: (i) hoạt động nội trợ không được coi là việc làm, mặc dù hoạt động này tạo ra các lợi ích phi vật chất và không thể thay thế trong việc gián tiếp tạo ra lợi ích vật chất, và thực tế đã là một loại việc làm đang được thuê khá phổ biến tại khu vực đô thị ở Việt Nam; (ii) khó có thể so sánh phạm vi “không bị pháp luật cấm” giữa các quốc gia với nhau, bởi lẽ, có những nghề ở quốc gia này được cho phép và được coi là việc làm, nhưng không được quốc gia khác chấp nhận. Thí dụ đánh bạc ở Việt Nam bị cấm, nhưng ở Thái Lan và Mỹ lại “không bị pháp luật cấm” và được coi là một nghề.

5 <https://www.hsph.harvard.edu/css/bigdata.html>

6 <http://cafe.f.vn/chu-tich-foi-software-hoang-nam-tien-khoi-nghiep-thoi-cach-mang-40-khong-don-gian-nhu-jack-ma-noi-20171215084035966.chn>

Thực tế ở Việt Nam đang diễn ra quá trình đa dạng hóa việc làm: việc làm chính, việc làm phụ và việc làm thêm; việc làm toàn thời gian và bán thời gian; việc làm tại nhà và việc làm công sở,... Vì thế, để thích ứng với sự tác động có thể có của cuộc cách mạng 4.0, việc làm, cần được thừa nhận dưới ba hình thức: (i) Làm công việc để nhận được tiền lương, tiền công hoặc hiện vật cho công việc đó; (ii) Làm công việc để thu lợi cho bản thân, gia đình và bản thân, gia đình có quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ tư liệu sản xuất để tiến hành công việc đó; (iii) Làm các công việc cho gia đình mình nhưng không được trả thù lao dưới hình thức tiền lương, tiền công cho công việc đó. Hình thức này bao gồm: sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp do chủ hộ hoặc một thành viên khác trong gia đình có quyền sử dụng, sở hữu hoặc quản lý; người làm nghề tự do ngày càng trở nên phổ biến ngay tại Việt Nam;...

2.2 Đổi mới căn bản giáo dục - đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực có năng lực tìm kiếm và sáng tạo việc làm

Mới đây, Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận CN lần thứ 4 (ngày 4/5/2017)⁷ đã yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung thay đổi mạnh mẽ các chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục dạy nghề nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp cận các vị trí việc làm phù hợp với xu thế công nghệ sản xuất mới theo CN 4.0. Để đáp ứng yêu cầu này, cần triển khai các giải pháp sau:

Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng "chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực người học", gồm: thực hiện tốt cơ chế, chính sách, pháp luật về kết nối phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, nhất là giao

quyền tự chủ cho các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề công lập, để đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo, nhằm đáp ứng kịp thời, hiệu quả nhu cầu về số lượng, chất lượng lực lượng lao động cho thị trường lao động; phải tăng cường gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, đặc biệt đầu tư cho các nhóm nghiên cứu sâu về các lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, thông tin vệ tinh, số hóa, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học và sự tích hợp giữa chúng. Ví dụ, một tín hiệu tích cực là từ năm 2004, Công ty cổ phần robot Tosy đã khá thành công trong nghiên cứu sản xuất robot đồ chơi và hiện đang phát triển robot phục vụ chợ công nghiệp. Bên cạnh đó, chúng ta cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo, nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thu hút các trường đại học, dạy nghề, các nhà giáo, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có đẳng cấp quốc tế, vào tham gia quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; tiếp tục gửi sinh viên Việt Nam ra nước ngoài học tập, đào tạo, bồi dưỡng.

Thực hiện giáo dục nghề nghiệp theo kiểu "hai cấp độ"”. Trước hết, chúng ta cần đẩy mạnh giáo dục các ngành, nghề truyền thống nhằm thực hiện giảm nghèo và phát triển bền vững, giữ vững ổn định, nhất là ở khu vực nông thôn, nông nghiệp; mặt khác, chúng ta thực hiện đi tắt, đón đầu, tập trung giáo dục các ngành nghề hiện đại, theo kiểu CN 4.0 để cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng và giải quyết hai vấn đề cơ bản sau: (i) những thách thức và vấn đề liên quan đến kinh tế, xã hội và môi trường còn tồn đọng hiện nay như tỷ lệ lớn lao động nông thôn, nông nghiệp có kỹ năng thấp (chiếm khoảng 70% dân số); (ii) nhanh chóng tận dụng những cơ hội và thế mạnh để đột phá nhằm vươn tầm quốc tế, vượt lên những thách thức mới với

7 <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Thu-tuong-chi-thi-tang-cuong-nang-luc-tiep-can-cuoc-Cach-mang-CN-lan-thu-4/20175/26430.vgp>

đội ngũ lao động có kỹ năng, trình độ đẳng cấp quốc tế trong các lĩnh vực có ứng dụng công nghệ mới, hiện đại.

Mở cửa ngành giáo dục theo hướng tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy chuẩn hoá và phát triển theo kỹ năng tư duy thứ bậc (kỹ năng nhớ, hiểu, ứng dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo) làm cơ sở để xác định chuẩn đầu ra trong giáo dục nghề nghiệp và cái cách phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của CN 4.0; coi trọng việc trang bị cho người học những kỹ năng và kiến thức cơ bản, cũng như các kỹ năng bổ trợ thiết yếu là điều kiện tiên quyết cho người lao động tại nơi làm việc, gồm: kỹ năng nhận thức, thích nghi, tương tác con người với con người, kỹ năng ứng xử tại nơi làm việc và khả năng thích nghi với các thách thức và yêu cầu thay đổi công việc liên tục, giảm nguy cơ thất nghiệp; trang bị cho người học kiến thức kinh doanh, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng phát triển khu vực kinh tế phi chính thức, kỹ năng tiếp cận việc làm nhằm thay đổi tư duy từ chờ việc làm, xin việc làm sang tư duy tự tạo việc làm, khởi nghiệp sáng tạo và tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

2.3 Đổi mới chính sách, pháp luật về lao động - việc làm

Đổi mới, hoàn thiện đồng bộ chính sách để tạo động lực phát triển đội ngũ lao động (hay nhân lực) chất lượng cao trên nhiều phương diện, như giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, môi trường làm việc, chính sách việc làm, thu nhập, an sinh xã hội, bảo hiểm, bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, phát triển thị trường lao động, các điều kiện nhà ở, sinh sống, định cư,... Trong đó, trước hết cần coi trọng việc tạo lập các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng công khai, công tâm, khách quan, chính xác, dựa trên cơ sở phẩm chất và năng lực thực chất; khuyến khích các nhà lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mạnh dạn sử dụng đội ngũ nhân lực trẻ chất lượng cao; lôi cuốn, khích lệ họ nhiệt tình thực

hiện kiến thức, chuyên môn đã được đào tạo, tích lũy thông qua những cơ chế, chính sách sử dụng hợp lý.

Cần có chính sách thỏa đáng để khai thác, phát huy có hiệu quả nguồn lực mới cho việc làm trước hết là trong những ngành mũi nhọn về công nghệ của quốc gia; nâng cao chất lượng hoạt động của các vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao; có chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển các vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các trường đại học đào tạo về công nghệ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển và chuyên giao công nghệ; tăng cường sự hợp tác hiệu quả giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các trường đại học công nghệ để thúc đẩy sự phát triển một số ngành chọn lọc, cơ bản là công nghệ thông tin; tiếp tục phát triển mạnh các khu công nghiệp, khu công nghệ cao Hòa Lạc, TP. Hồ Chí Minh; hoàn thiện chính sách nhập khẩu công nghệ; chủ động tham gia quá trình hoạt động của các khu công nghệ cao, các công viên phần mềm trong khu vực và trên thế giới; ưu tiên tài trợ cho các tổ chức, cá nhân có công trình khoa học - công nghệ xuất sắc.

Sửa đổi Bộ luật Lao động năm 2012 theo hướng đáp ứng Tuyên bố năm 1998 của ILO và những yêu cầu đặt ra trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Theo đó, cần: (i) Áp dụng cơ chế thị trường trong quan hệ lao động theo hướng pháp luật chỉ quy định khung, giảm bớt sự bảo vệ đối với người lao động, để các bên quan hệ lao động tự thương lượng và quyết định các vấn đề cụ thể thông qua thỏa ước lao động tập thể; (ii) Phạm vi áp dụng của Bộ Luật Lao động theo hướng bao quát người lao động và người sử dụng lao động ở khu vực kinh tế chính thức, tức ở những người lao động có hợp đồng lao động, và cả khu vực kinh tế phi chính thức; (iii) Phát triển khung khổ bảo vệ người lao động trong những hình thức việc làm mới, ví dụ về taxi xế ô tô, xe máy uber hoặc grab đang là một phần quan trọng thuộc cuộc sống hàng ngày tại nhiều đô thị ■